

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG
NGUYỆT MINH 2 DAIKI ALUMINIUM**



BÁO CÁO

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG
NGUYỆT MINH 2 DAIKI ALUMINIUM**

ĐỢT 1 NĂM 2024

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

VĨNH PHÚC, THÁNG 03 NĂM 2024

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG
NGUYỆT MINH 2 DAIKI ALUMINIUM

----- ❀ -----

BÁO CÁO

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG NGUYỆT
MINH 2 DAIKI ALUMINIUM

Thời gian quan trắc: ngày 15 tháng 03 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
Trần Ngọc Lan

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Chang

VĨNH PHÚC, THÁNG 03 NĂM 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN	3
CHƯƠNG I: MỞ ĐẦU.....	4
1.1. Giới thiệu chung về nhiệm vụ quan trắc.....	4
1.1.1. Căn cứ thực hiện.....	4
1.1.2. Phạm vi và nội dung các công việc.....	4
1.1.3. Tần suất thực hiện.....	5
1.2. Đơn vị tham gia quan trắc :.....	5
CHƯƠNG II: GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC	6
2.1. giới thiệu chung về chương trình quan trắc.	6
2.1.1. Giới thiệu sơ lược phạm vi thực hiện của nhiệm vụ.	6
2.2. Danh mục các thông số quan trắc.	6
Bảng 1: Thông tin về các điểm quan trắc.....	6
2.3. Danh mục thiết bị quan trắc hiện trường và thiết bị phòng thí nghiệm	7
Bảng 2: Danh mục thiết bị quan trắc, phân tích.....	7
CHƯƠNG III. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC.....	9
CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC	13
QA/QC THEO QUY ĐỊNH.....	15
3.1. Kết quả QA/QC hiện trường	15
3.2. Kết quả QA/QC trong phòng thí nghiệm	17
5.1. Kết luận	19
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	20
- Biên bản lấy mẫu hiện trường;	20
- Phiếu kết quả phân tích;.....	20

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Kí hiệu	Tên ký hiệu
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên và môi trường
2	BYT	Bộ y tế
3	CN	Chi nhánh
4	CP	Cổ phần
5	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
6	PTĐ	Phương tiện đo
7	PTN	Phòng Thí Nghiệm
8	QA	Bảo đảm chất lượng (quality assurance)
9	QC	Kiểm soát chất lượng (quality control)
10	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
11	QĐ	Quyết định
12	QH	Quốc hội
13	SMEWW	Tiếng Anh: Standard Methods for the Examination of Water and Waste Water Tiếng Việt: Các phương pháp chuẩn xét nghiệm nước và nước thải
14	TT	Thông tư
15	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

DANH MỤC NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN

1. Người chịu trách nhiệm chính

A. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium

Đại diện: Bà Trần Ngọc Lan

Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Xã Sơn Lôi, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

B. Công ty Cổ phần Môi trường Vinh Phát

Đại diện: Bà Ngô Thị Chang

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Địa chỉ: Thôn Mạch Tràng, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành Phố Hà Nội

Đơn vị quan trắc chất lượng môi trường: Phòng phân tích chất lượng môi trường - Công ty cổ phần môi trường Vinh Phát.

Địa chỉ phòng phân tích chất lượng môi trường: Tầng 4, tòa nhà Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Những người tham gia thực hiện chịu trách nhiệm chính

TT	Người thực hiện	Chuyên môn	Nội dung công việc
1	Phùng Ngọc Hải	Thạc sĩ khoa học kỹ thuật môi trường	Phê duyệt kết quả
2	Nguyễn Trung Dũng	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Hoá học	Trưởng nhóm Quan Trắc
3	Nguyễn Quang Trường	Kỹ sư máy và thiết bị hóa chất	Kỹ thuật viên lấy mẫu hiện trường
4	Nguyễn Văn Hùng	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật môi trường	Kỹ thuật viên lấy mẫu hiện trường
5	Dương Tuấn Hiệp	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Hoá học	Kỹ thuật viên lấy mẫu hiện trường
6	Phan Văn Huân	Cử nhân hóa học	Kỹ thuật viên phân tích phòng thí nghiệm – QA/QC
7	Nguyễn Thị Kim Huệ	Cử nhân hóa học	Kỹ thuật viên phân tích phòng thí nghiệm
8	Nguyễn Anh Thúy	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật môi trường	Kỹ thuật viên phân tích phòng thí nghiệm
9	Đỗ Thị Ngân	Cử nhân công nghệ hóa học	Kỹ thuật viên phân tích phòng thí nghiệm
10	Đỗ Thị Huyền Linh	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật môi trường	Lập báo cáo
11	Tạ Hải Anh	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Lập báo cáo

CHƯƠNG I: MỞ ĐẦU

1.1. Giới thiệu chung về nhiệm vụ quan trắc.

- Quan trắc môi trường là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường, giúp cho các nhà quản lý xác định rõ các mục tiêu, chiến lược bảo vệ môi trường đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội theo hướng phát triển bền vững.

- Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium luôn nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường và thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

- Thực hiện hợp đồng của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium với Công ty Cổ phần Môi trường Vinh Phát về việc Quan trắc, giám sát môi trường định kỳ đợt 1 năm 2024 cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium. Ngày 15/03/2024 Công ty Cổ phần Môi trường Vinh Phát tiến hành quan trắc lấy mẫu phân tích các thành phần môi trường theo chương trình quan trắc môi trường định kỳ đợt 1 năm 2024.

1.1.1. Căn cứ thực hiện.

- Luật bảo vệ môi trường Việt Nam số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022: quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Hợp đồng của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium với Công ty Cổ phần Môi trường Vinh Phát về việc Quan trắc, giám sát môi trường định kỳ đợt 1 năm 2024 cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium.

1.1.2. Phạm vi và nội dung các công việc.

a. Khu vực thực hiện quan trắc.

- Lấy mẫu quan trắc môi trường tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium.

- Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Xã Sơn Lôi, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

b. Nội dung thực hiện quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024.

- Lấy mẫu quan trắc chất lượng môi trường:

❖ Quan trắc môi trường nước thải, khí thải.

- Phân tích các chỉ tiêu môi trường.

- Tổng hợp kết quả, lập báo cáo.

1.1.3. Tần suất thực hiện.

- Quan trắc giám sát chất lượng môi trường được thực hiện định kỳ 03 tháng/lần đối với môi trường nước thải và khí thải.

1.1.4. Thời gian thực hiện.

- Thời gian lấy mẫu: 15/03/2024.

- Thời gian phân tích: 15/03/2024 đến 30/03/2024

1.2. Đơn vị tham gia quan trắc.

- CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

- Đại diện: Bà: Ngô Thị Chang Chức vụ: Tổng Giám Đốc

- Địa chỉ: Thôn Mạch Tràng, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành Phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0898.930.888 Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường VIMCERTS 233.

1.3. Đơn vị thầu phụ

- **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA**

- Đại diện: Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số nhà 9, tổ dân phố 2, P. Phú Đô, Q. Nam Từ Liêm, T.p Hà Nội

- VPĐD: Ô 02, lô D47, khu D, KĐTMT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông,
T.p Hà Nội

- Điện thoại: 0338572255

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường VIMCERTS 251

CHƯƠNG II: GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC

2.1. giới thiệu chung về chương trình quan trắc.

2.1.1. Giới thiệu sơ lược phạm vi thực hiện của nhiệm vụ.

Tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium
Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Xã Sơn Lôi, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

2.2. Danh mục các thông số quan trắc.

Bảng 1: Thông tin về các điểm quan trắc

TT	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Tọa độ lấy mẫu	
					X	Y
I	Nước thải					
1	Mẫu nước thải cơ sở 1	NT1	BOD5, COD, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, clo dư, Dầu mỡ khoáng	Tại hố ga cuối của công ty trước khi thải ra môi trường	2352948	595392
2	Mẫu nước thải cơ sở 2	NT2	lưu lượng, nhiệt độ, độ màu, pH, BOD5, COD, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, clo dư, Dầu mỡ khoáng, As, Hg, Pb, Cd, Cr III,Cr VI, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, phenol, CN-, florua, sunfua, PCBs, coliform, hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β	Tại hố ga cuối của công ty trước khi thải ra môi trường	2352157	595368
II	Khí thải					
1	Khí thải lò nhôm	KT	Bụi silic, Cu, Pb, Zn, nhiệt độ, áp suất, lưu lượng, bụi tổng, CO, SO2, NO2, O2	Khí thải sau HTXL khí thải lò nhôm	2352968	595354

Đơn vị quan trắc: Công ty Cổ phần Môi trường Vĩnh Phát

Địa chỉ: thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

2.3. Danh mục thiết bị quan trắc hiện trường và thiết bị phòng thí nghiệm.

Bảng 2: Danh mục thiết bị quan trắc, phân tích

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Hãng/nước sinh hoạt	Tần suất hiệu chuẩn
I	Thiết bị quan trắc môi trường nước			
1	Máy đo độ pH	LaQua-pH220	Nhật bản	1 năm/1 lần
2	Máy đo chất rắn hòa tan TDS	HI 8734	HANNA	1 năm/1 lần
3	Máy đo vận tốc dòng chảy	Flowatch	Thụy Sĩ	1 năm/1 lần
4	Bộ lấy mẫu nước ngang, xô ca, gậy lấy mẫu	-	-	-
II	Thiết bị quan trắc môi trường khí thải			
1	Máy đo khí thải	Testo 350	TESTO	1 lần/năm
2	Bộ lấy mẫu khí thải Isokinetic	Isokinetic EPA 5	ESC - Mỹ	1 lần/năm
3	Bộ lấy mẫu khí VOC	UNI-VOS	ESC - Mỹ	1 lần/năm
4	Bộ lấy mẫu M6-S1-V	M6-S1-V	ESC - Mỹ	-
III	Thiết bị phân tích			
1	Cân phân tích	PA214	Ohaus- Mỹ	1 lần/năm
2	Bếp phá mẫu COD	ECO25	Italia	1 lần/năm
3	Lò vi sóng phá mẫu	MiniWAVE	SCP SCINCE	-
4	Tủ sấy	101-1A	Trung Quốc	1 lần/năm
5	Máy đo quang	UV- VIS PC 2401	Nhật Bản	1 lần/năm
6	Tủ hút khí độc	THK 01	Việt Nam	1 lần/năm
7	Bình hút ẩm	THA 01	Trung Quốc	1 lần/năm
8	Bếp đun cách thủy	HH -S4	Trung Quốc	1 lần/năm
9	Nhiệt ẩm kế	TT-513	Trung Quốc	1 lần/năm
10	Tủ lạnh bảo quản mẫu – Nhiệt kế thủy tinh	VH-358K	Việt nam	1 lần/năm

Báo cáo kết quả quan trắc môi trường tháng 3 năm 2024**Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium**

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Hãng/nước sinh hoạt	Tần suất hiệu chuẩn
11	Bếp điện	LY8001	Trung quốc	-
12	Bộ cất xianua	PYEX 3550C	Đức	-
13	Bộ cất sunfua	-	Việt nam	-
14	Bộ chiết soxhlet	-	Việt nam	-
15	Bộ cất sunfua	-	Việt nam	-
16	Bộ cất Phenol	-	Việt nam	-
17	Bộ phá mẫu đất thủy tinh	-	Việt nam	-
18	Bộ Chưng cất Đạm	Velp-UDK 139	Italya	-
19	Máy khuấy	85-2	Trung Quốc	-
20	Bơm hút chân không	VE 125	Việt nam	-
21	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử	Aanalyst 800	Perkin Elmer	1 lần/năm
22	Hệ thống sắc ký khí GC	HP 6890	Agilent	1 lần/năm
23	Hệ thống sắc ký ION	IA-300	Nhật bản	1 lần/năm
24	Tủ an toàn sinh học cấp 2	11231BBC86	Trung quốc	-
25	Nồi hấp tiệt trùng	DGL-50B	Trung quốc	1 lần/năm
26	Nồi hấp tiệt trùng	DG-S280C	Trung quốc	1 lần/năm
27	Tủ âm vi sinh	303-1AB	Trung quốc	1 lần/năm
28	Kính hiển vi 2 mắt	XSZ-107BN	Trung quốc	-
29	Tủ âm BOD	BIOBASE	BIOBASE	1 lần/năm
30	Bể rửa siêu âm	VGT-1990QTD	Trung quốc	-
31	Tủ lạnh- Nhiệt kế thủy tinh	Seko	Seko	1 lần/năm
32	Máy cất nước hai lần	AQUA- ON 4D	AQUA	-

CHƯƠNG III. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC

- Kết quả đo đạc, phân tích, giám sát môi trường định kỳ đợt 1 năm 2024 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium được tổng hợp trong các kết quả phân tích, đính kèm tại phụ lục của báo cáo này.

- Quá trình thực hiện quan trắc được thực hiện theo đúng quy trình, quy định của TCVN và QCVN hiện hành.

- Kết quả quan trắc đảm bảo tính trung thực, chính xác và khoa học.

➤ **Đánh giá kết quả quan trắc:**

❖ **Kết quả đo, phân tích nước thải.**

- Kết quả phân tích nước thải đợt 1 năm 2024 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium. Hàm lượng các chỉ tiêu được phân tích mẫu nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép theo:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp,

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

(*) Thông số được ban hành bởi nhà thầu phụ Vimcerts 251.

Kết quả quan trắc nước thải cơ sở 1 đợt 1 năm 2024 được thể hiện qua bảng sau:

TT	Thông số	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
		NT1	Cột B
1	BOD ₅ (20°C)	5,5	50
2	COD	<15 ^(a)	150
3	TSS	26,5	100
4	Dầu, mỡ khoáng	<0,9 ^(a)	10
5	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	<0,09 ^(a)	10
6	Tổng Nitơ	25,5	40
7	Tổng Photpho	0,14	6
8	Clo dư	KPH (LOD=0,3)	2

Báo cáo kết quả quan trắc môi trường tháng 3 năm 2024**Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium****➤ Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử.

- ^(a)Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử.

- “-” Không quy định trong QCVN 40:2011/BTNMT.

Kết quả phân tích nước thải cơ sở 2 đợt 1 năm 2024 được thể hiện qua bảng sau

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
			NT2	Cột A	Cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	1,8	-	-
2	Nhiệt độ	°C	27,9	40	40
3	Độ màu	Pt/Co	20,1	50	150
4	pH	-	6,6	6 – 9	5,5 - 9
5	BOD ₅ (20°C)	mg/L	7,2	30	50
6	COD	mg/L	17,8	75	150
7	TSS	mg/L	17,5	50	100
8	As	mg/L	KPH (LOD=0,001)	0,05	0,1
9	Hg	mg/L	KPH (LOD=0,001)	0,005	0,01
10	Pb	mg/L	KPH (LOD=0,001)	0,1	0,5
11	Cd	mg/L	KPH (LOD=0,001)	0,05	0,1
12	Cr VI	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05	0,1
13	Crom III (Cr ³⁺) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,2	1
14	Cu	mg/L	KPH (LOD=0,03)	2	2
15	Zn	mg/L	KPH (LOD=0,03)	3	3
16	Ni	mg/L	<0,09 ^(a)	0,2	0,5
17	Mn	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,5	1
18	Fe	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1	5
19	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,1	0,5
20	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	<0,9 ^(a)	5	10
21	Sunfua	mg/L	<0,15 ^(a)	0,2	0,5
22	Florua	mg/L	KPH (LOD=0,1)	5	10

Đơn vị quan trắc: Công ty Cổ phần Môi trường Vinh Phát

10

Địa chỉ: thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

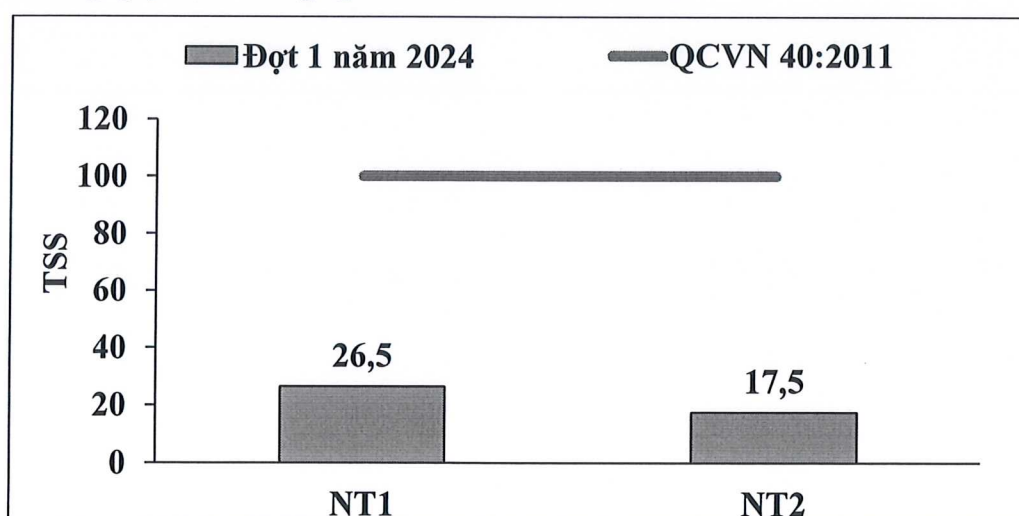
Báo cáo kết quả quan trắc môi trường tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium

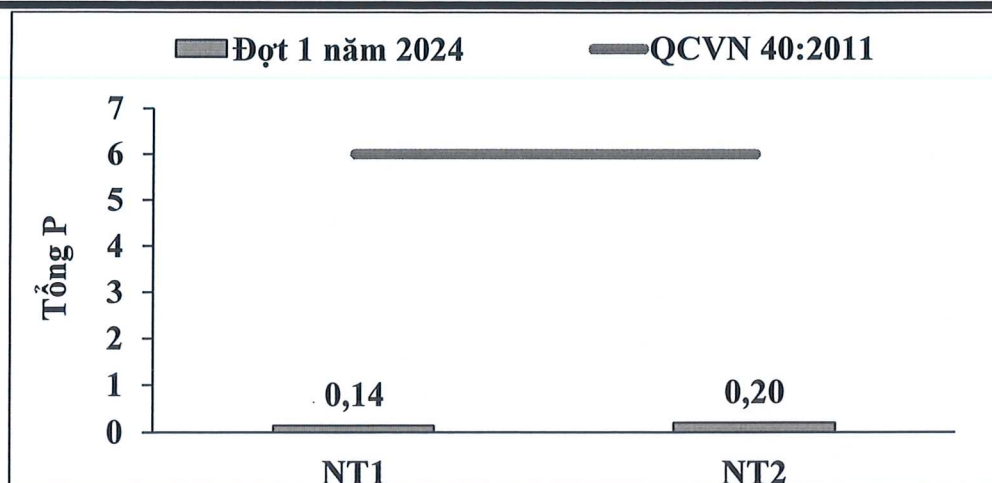
TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
			NT2	Cột A	Cột B
23	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,07	0,1
24	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	0,09	5	10
25	Tổng Nito	mg/L	<9 ^(a)	20	40
26	Tổng Photpho	mg/L	0,20	4	6
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrin)*	µg/L	KPH (MDL=0,05x10 ⁻³)	50	100
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ (Malathion)*	µg/L	KPH (MDL=0,05x10 ⁻³)	300	1000
29	Tổng PCB (PCB 28)*	mg/L	KPH (MDL=0,02x10 ⁻³)	0,003	0,01
30	Tổng hoạt độ phóng xạ α *	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1	0,1
31	Tổng hoạt độ phóng xạ β *	Bq/L	KPH (MDL=0,3)	1,0	1,0
32	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,3)	1	2
33	Coliform	MPN/100ml	2400	3.000	5.000

➤ **Ghi chú:**

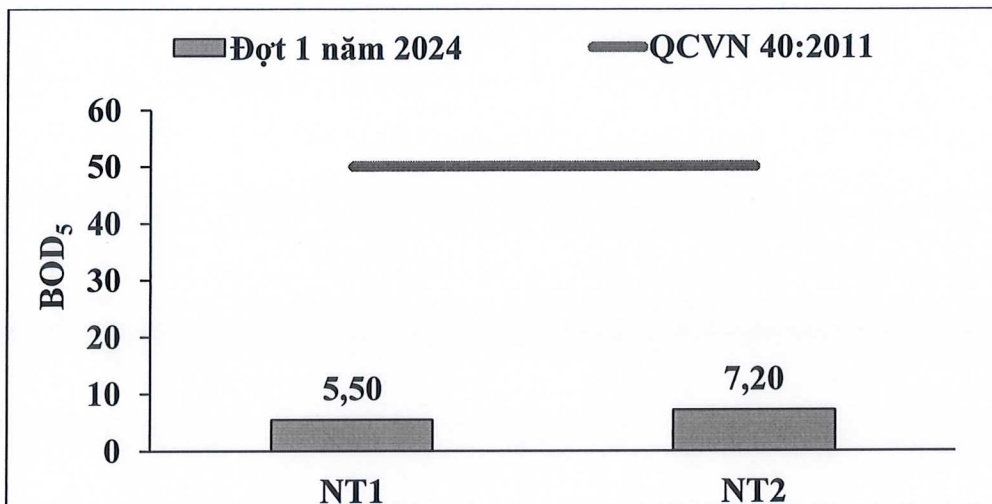
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử.
- ^(a)Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử.
- “-” Không quy định trong QCVN 40:2011/BTNMT.



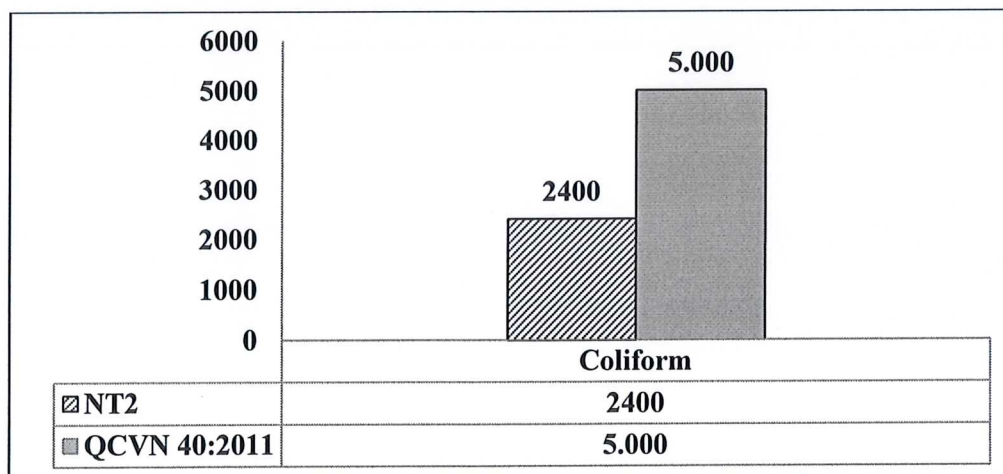
Biểu đồ 1: kết quả phân tích chất lượng nước thải đợt 1 năm 2024 (TSS).



Biểu đồ 2: kết quả phân tích chất lượng nước thải đợt 1 năm 2024 (Tổng P).



Biểu đồ 3: kết quả phân tích chất lượng nước thải đợt 1 năm 2024 (BOD₅).



Biểu đồ 4: kết quả phân tích chất lượng nước thải đợt 1 năm 2024 (Coliform).

❖ **Kết quả đo, phân tích khí thải.**

- Kết quả phân tích khí thải đợt 1 năm 2024 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium. Hàm lượng các chỉ tiêu được phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, **Cột B**.

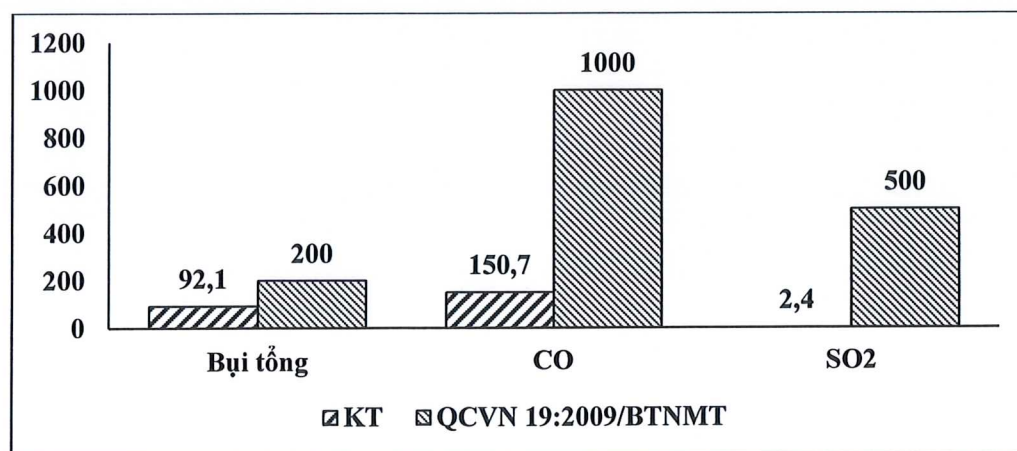
(*) Thông số được ban hành bởi nhà thầu phụ Vimcerts 251.

Kết quả quan trắc khí thải đợt 1 năm 2024 được thể hiện qua bảng sau:

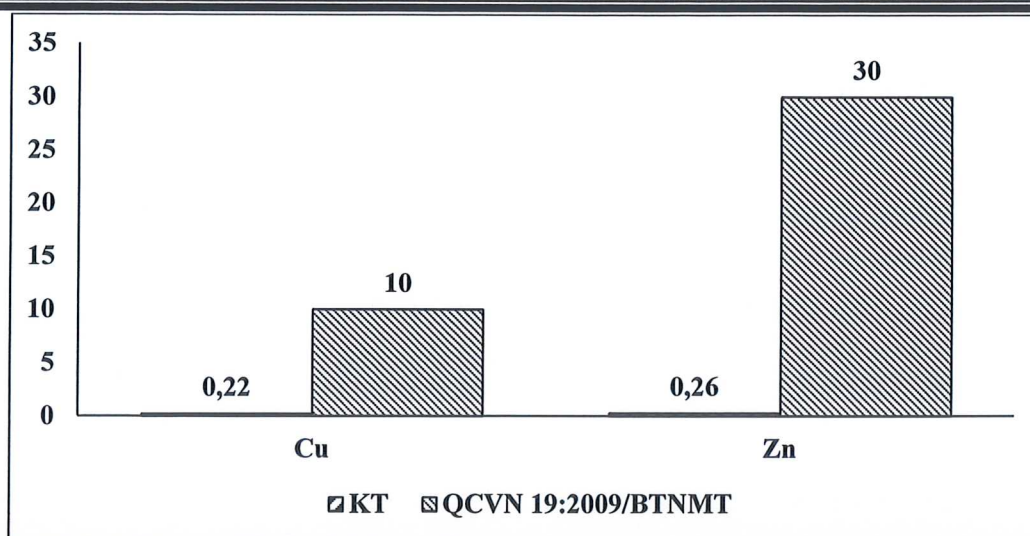
TT	Thông số	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
		KT	Cột B
1	Nhiệt độ	84	-
2	Áp suất	757,7	-
3	Lưu lượng	22550	-
4	Bụi tổng	92,1	200
5	CO	150,7	1000
6	SO ₂	2,4	500
7	NO ₂	0	850
8	O ₂	19,19	-
9	Bụi silic	KPH (MDL = 0,5)	200
10	Cu	0,22	10
11	Zn	0,26	30
12	Pb	KPH (LOD=0,05)	5

➤ **Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử.



**Biểu đồ 5: kết quả phân tích chất lượng khí thải đợt 1 năm 2024
(Bụi tổng, CO, SO₂).**



Biểu đồ 6: kết quả phân tích chất lượng khí thải đợt 1 năm 2024
(Cu, Zn).

CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC

QA/QC THEO QUY ĐỊNH

3.1. Kết quả QA/QC hiện trường.

3.1.1. QA/QC trong lập kế hoạch quan trắc.

- Đối với kế hoạch quan trắc cho Công ty, Công ty Cổ phần Môi trường Vinh Phát đã tiến hành thống kê các thông số cần thực hiện dựa trên yêu cầu của Công ty, sau đó lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp với quy định về kỹ thuật hiện hành, phù hợp với chứng nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.0978, Chứng nhận Vimcerts 233 của Công ty, đồng thời phối hợp với Công ty để thống nhất và cùng nhau thực hiện.

+ Các hạng mục trong kế hoạch quan trắc bao gồm:

- Lập kế hoạch thực hiện đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong QTMT.

- Lập kế hoạch nhân lực thực hiện quan trắc, trong đó nêu rõ nhiệm vụ cụ thể của từng cán bộ, nhân viên thực hiện các hoạt động quan trắc môi trường.

- Lập dự toán kinh phí thực hiện chương trình quan trắc, bao gồm cả kinh phí thực hiện đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng trong QTMT.

- Lập danh mục các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chương trình và trách nhiệm của các bên liên quan.

- Chương trình quan trắc được lập kế hoạch chi tiết đảm bảo đạt được mục tiêu của chương trình, cụ thể:

+ Xác định các vị trí cần thực hiện lấy mẫu.

+ Xác định các thông số quan trắc đối với từng vị trí lấy mẫu gồm các thông số đo tại hiện trường và các thông số quan trắc lấy mẫu để phân tích trong phòng thí nghiệm.

+ Xác định số lượng mẫu QC cần thực hiện.

+ Chuẩn bị nhân lực, thiết bị quan trắc đo tại hiện trường, hóa chất, vật tư tiêu hao, chai lọ chứa mẫu phù hợp với từng thông số quan trắc đã xác định, biên bản ghi chép...

+ Xác định công tác vận chuyển mẫu và bàn giao mẫu theo quy định.

+ Chuẩn bị đầy đủ hóa chất, vật tư, nhân lực phục vụ công tác phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm.

3.1.2. QA/QC trong công tác chuẩn bị.

- Trước khi tiến hành quan trắc tại hiện trường, Công ty Cổ phần Môi trường Vinh Phát đã chuẩn bị các trang thiết bị quan trắc môi trường phù hợp với phương pháp đo, thử đã được xác định, đáp ứng yêu cầu của phương pháp về kỹ thuật và đo lường. Các hoá chất và mẫu chuẩn đựng trong các bình chứa phù hợp có dán nhãn. Người thực

hiện quan trắc và phân tích có trình độ chuyên môn phù hợp và được phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng. Các số liệu đo đạc và thử nghiệm được xử lý và báo cáo với các chủ thích rõ ràng.

3.1.3. QA/QC tại hiện trường.

*** Đảm bảo chất lượng:**

- QA/QC trong lấy mẫu hiện trường:
 - + Thực hiện lấy mẫu theo mạng điểm đã được xác định trước.
 - + Thực hiện lấy mẫu trắng hiện trường theo các vị trí đã được xác định trước theo kế hoạch đã định.
 - + Các thông số quan trắc chứa trong thiết bị lấy mẫu phù hợp và được bảo quản theo TCVN, US. EPA Method, SMEWW về môi trường theo đúng yêu cầu về kỹ thuật hiện hành.
 - + Định kỳ kiểm tra, hiệu chuẩn các thiết bị hiện trường: Nhiệt kế thang vạch 0,5°C, bơm lấy mẫu khí, thiết bị lấy mẫu nước, máy đo mức âm tương đương, máy đo vi khí hậu,...
 - + Đảm bảo rằng tất cả các nhân viên tham gia lấy mẫu đã được đào tạo.
 - + Đảm bảo rằng chương trình lấy mẫu thiết kế được đáp ứng các yêu cầu QA/QC mà không bị chi phối bởi vấn đề kinh phí, bởi vì giữa các yêu cầu của QA/QC và yêu cầu giảm thiểu kinh phí thường có mâu thuẫn. QA cần phải có vị trí độc lập.
- QA/QC trong đo thử tại hiện trường:
 - + Sử dụng các phương pháp, thiết bị phù hợp với các mục tiêu quan trắc, thông số đo tại hiện trường. Các phương pháp quan trắc thực hiện theo các văn bản, quy định của pháp luật hiện hành về quan trắc môi trường. Các thiết bị đo thử nghiệm tại hiện trường được hiệu chuẩn, kiểm định theo của cơ quan chức năng và theo khuyến cáo của nhà sản xuất.
 - + Dán nhãn lên tất cả các mẫu, trên nhãn ghi chép chính xác ngày, tháng, địa điểm, thời gian lấy mẫu, chất bảo quản mẫu và tên người lấy mẫu.
 - + Ghi chép tất cả các chi tiết có liên quan đến việc lấy mẫu vào sổ tay, những điều kiện và biến động bất thường từ kỹ thuật lấy mẫu thông thường đến những yêu cầu đặc biệt.
 - + Đảm bảo rằng dụng cụ và máy móc được bảo trì và kiểm tra định kỳ, sổ sách bảo trì cần được lưu giữ.
 - + Tránh làm nhiễm bẩn mẫu, làm sạch dụng cụ lấy mẫu thường xuyên, kiểm tra độ sạch và hiệu quả của dụng cụ bằng cách đo mẫu trắng và mẫu so sánh.

+ Lựa chọn mẫu tại các vùng mà ở đó chúng khá đồng nhất về thời gian và không gian (nghĩa là tránh những tình huống khi lấy mẫu có sự sai lệch về thời gian và không gian dẫn đến sự sai lệch kết quả).

- QA/QC trong bảo quản và vận chuyển mẫu:

+ Về đảm bảo chất lượng: cần phải có quy trình vận chuyển mẫu phù hợp nhằm bảo toàn mẫu về mặt số lượng và chất lượng.

+ Về quá trình vận chuyển: mẫu được lấy và bảo quản theo mẫu theo tiêu chuẩn tương ứng và vận chuyển cùng với mẫu QC bằng xe chuyên dụng, đảm bảo tính nguyên vẹn của mẫu. Sau đó mẫu được bàn giao luôn cho cán bộ phân tích theo đúng quy trình.

*** Công tác kiểm soát chất lượng (QC).**

- Kiểm soát chất lượng hiện trường yêu cầu phải tiến hành lấy các loại mẫu trắng, mẫu lặp nhằm kiểm tra mức độ tinh khiết của hoá chất dùng làm chất bảo quản, kiểm tra mức độ nhiễm bẩn của dụng cụ lấy, chứa mẫu, giấy lọc hay các thiết bị khác có liên quan đến công việc thu, bảo quản và vận chuyển mẫu. Mẫu lặp cũng được thu nhằm kiểm tra mức độ tái lặp của việc lấy mẫu. Thời gian và tần suất lấy mẫu trắng, mẫu đúp và mẫu lặp được xác định khi thiết kế chương trình. Khoảng 10 lần thu mẫu, tiến hành thu 1 lần các loại, tỷ lệ mẫu QC chiếm khoảng 5% tổng lượng mẫu:

- Đánh giá mẫu trắng thông qua việc đo đặc mẫu trắng và tiêu chí chấp nhận là giá trị đo mẫu trắng nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Đánh giá độ chụm của mẫu lặp tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm thông qua việc tính toán phần trăm sai khác tương đối (%RPD) của kết quả đo và phân tích theo công thức sau:

$$RPD\% = |X_1 - X_2| / (X_1 + X_2) / 2 * 100\%$$

- Tiêu chí chấp nhận là $RPD < 30\%$.

- Kết quả đo đặc các mẫu QC hiện trường cho thấy các kết quả đo mẫu lặp có độ lặp tốt. Như vậy các kết quả đo đạt độ tin cậy và đáp ứng yêu cầu về chất lượng thực hiện phép thử.

3.2. Kết quả QA/QC trong phòng thí nghiệm.

- Mẫu được mã hóa và bảo quản theo đúng nhóm chỉ tiêu phân tích được bàn giao cho phòng phân tích, tại phòng phân tích mẫu được phân tích theo đúng nhóm bảo quản theo quy định. Mẫu sau khi phân tích xong được phòng lưu giữ theo đúng yêu cầu bảo quản và thời gian lưu giữ tối đa là 30 ngày hoặc dài hơn theo yêu cầu của khách hàng.

- Trong quá trình thực hiện giám sát chất lượng môi trường, các thủ tục đảm bảo chất lượng từ khâu chuẩn bị hoá chất thiết bị phục vụ phân tích đều được thực hiện

nghiêm túc. Công việc thực hiện phép thử tại phòng thí nghiệm, ghi chép và xử lý số liệu được thực hiện theo đúng các SOP hướng dẫn.

- Phương pháp phân tích từng thành phần môi trường được thực hiện đúng theo các nội dung đã được phê duyệt.

- Kết quả kiểm soát chất lượng trong phòng thí nghiệm được thể hiện qua việc đo các mẫu trắng, mẫu lặp, mẫu thêm chuẩn. Kết quả đo đạc được thể hiện trong bảng sau:

*** Nhận xét:**

- Kết quả phân tích và thử nghiệm các mẫu QC cho thấy:

- Mẫu trắng phương pháp trên các nền mẫu đều có kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp phân tích.

Như vậy, phương pháp đo đạc và thử nghiệm đối với các thông số quan trắc và các kết quả quan trắc thu được đều đạt yêu cầu.

CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận.

- Việc thực hiện đợt quan trắc đảm bảo về tiến độ và thời gian thực hiện, mức độ và kết quả áp dụng QA/QC trong quan trắc theo đúng quy định hiện hành.
- Hoạt động quan trắc được tiến hành trong điều kiện thời tiết thuận lợi, trong thời gian quan trắc trời không mưa, độ ẩm trung bình và có gió nhẹ.
- Kết quả quan trắc đợt 1 năm 2024 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium có kết luận như sau:

✓Nước thải:

Kết quả phân tích nước thải đợt 1 năm 2024 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium. Hàm lượng các chỉ tiêu được phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, **Cột A, Cột B.**

✓Khí thải:

Kết quả phân tích khí thải đợt 1 năm 2024 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium. Hàm lượng các chỉ tiêu được phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, **Cột B.**

5.2. Kiến nghị.

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium cam kết thực hiện tốt chương trình giám sát môi trường, đồng thời cử cán bộ chuyên trách về vấn đề vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động và bảo vệ môi trường. Cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường và các quy định về vận chuyển và xử lý chất thải.

- Cơ sở cam kết thực hiện và duy trì các biện pháp bảo vệ môi trường để hoạt động sản xuất không gây ảnh hưởng đến môi trường, không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân viên cơ sở.

- Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn xem công tác bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ quan trọng trong sự phát triển bền vững của khu vực. Để công tác bảo vệ môi trường ngày một tốt hơn, cơ sở đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện để cán bộ làm công tác môi trường của công ty được tham gia vào các khóa huấn luyện về pháp luật bảo vệ môi trường, đồng thời mong nhận được sự đóng góp ý kiến và chỉ đạo của các cấp, các ngành liên quan.

- Định kỳ, thực hiện thuê đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Biên bản lấy mẫu hiện trường;
- Phiếu kết quả phân tích;
- Quyết định đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

Địa chỉ: Thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com - Tel: 0898.930.888

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 233

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi 15 giờ 00, ngày 15 tháng 3 năm 2024

Tại: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, h Bình Xuyên, t Vĩnh Phúc

Các bên tham gia gồm:

I. ĐẠI DIỆN: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG NGUYỆT MINH 2 DAIKI ALUMINIUM

1. Ông (bà): Nguyễn Quang Nam Chức vụ:

2. Ông (bà): Chức vụ:

II. ĐẠI DIỆN:

1. Ông (bà): Chức vụ:

2. Ông (bà): Chức vụ:

III. ĐẠI DIỆN:

1. Ông (bà): Chức vụ:

2. Ông (bà): Chức vụ:

IV. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

1. Ông (bà): Nguyễn Quang Thuận Chức vụ: NVQT

2. Ông (bà): Chức vụ: NVQT

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

V. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Điểm khảo sát

VI. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Công suất hoạt động ($\geq 50\%$) Hoạt động bình thường

VII. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

TT	Ký hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
1	KT	Khí thải lò nhôm	Theo kt	
2	NT1	Mẫu nước thải cơ sở 1	nt	
3	NT2	Mẫu nước thải cơ sở 2	nt	
4				



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

Địa chỉ: Thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com - Tel: 0898.930.888

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 233

TT	Ký hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
5				
6				
7				
8				
9				
10				

VIII: LẤY MẪU BẢO QUẢN – MẪU NƯỚC

Kí hiệu mẫu	Lượng mẫu bảo quản (lít)/ Dụng cụ chứa mẫu: chai thủy tinh (G), chai nhựa (PE)				
	NT ₁	NT ₂			
Điều kiện BQ					
Bảo quản lạnh	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)
Bảo quản bằng H ₂ SO ₄	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)
Bảo quản bằng HNO ₃	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)
Bảo quản bằng NaOH	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)
Bảo quản bằng HCl	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)
Bảo quản mẫu vi sinh 1-5°C	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)
Bảo quản thêm dd formaldehyt	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)	 (G) (PE)



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

Địa chỉ: Thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com - **Tel:** 0898.930.888

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 233

IX: LƯU MẪU (Đối với mẫu nước và mẫu đất):

Cơ sở có yêu cầu lưu mẫu hay không (mẫu lưu được dán niêm phong có xác nhận của các bên tham gia):

Có ☐ Không ☒

Cơ sở có lấy mẫu đối chứng hay không: Có ☐ Không ☒

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào hồi 1.5. giờ, 00... phút, ngày 1.5. tháng 3... năm 2024 và kết thúc hồi 1.7. giờ, 00... phút, ngày 1.5. tháng 3... năm 2024

Biên bản gồm 03 trang, được lập thành 01 bản có chữ ký xác nhận và được giao cho các bên tham gia.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH THƯƠNG
MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG NGUYỆT
MINH 2 DAIKI ALUMINIUM**

ĐẠI DIỆN
.....

ĐẠI DIỆN Nguyễn Hoàng Nam
.....

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

..... Nguyễn Quang Trọng
.....



Số:2024/VPH/0941

Trang: 1/1.....

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium
Địa chỉ : KCN Bình Xuyên, xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Khí thải
0941: KT: Khí thải lò nhôm
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Thời gian thử nghiệm : 15/03/2024 – 30/03/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT	Cột B
1	Nhiệt độ	°C	SOP/MTVP/KT1	84	-
2	Áp suất	mmHg	SOP/MTVP/KT2	757,7	-
3	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	22550	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	92,1	200
5	CO	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT4	150,7	1000
6	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT6	2,4	500
7	NO ₂	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT5	0	850
8	O ₂	%	SOP/MTVP/KT3	19,19	-
9	Bụi silic*	mg/Nm ³	US EPA Method 5 + NIOSH Method 7603 + NIOSH Method 7602	KPH (MDL = 0,5)	200
10	Cu	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,22	10
11	Zn	mg/Nm ³		0,26	30
12	Pb	mg/Nm ³		KPH (LOD=0,05)	5

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- “-”: Không quy định trong QCVN 19:2009/BTNMT;
- (*) Thông số được ban hành bởi nhà thầu phụ Vimcerts 251.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Phùng Ngọc Hải

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



Số:2024/VP/0942.....

Trang: ..1/1.....

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium
Địa chỉ : KCN Bình Xuyên, xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước Thải :
0942: NT1: Mẫu nước thải cơ sở 1
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Thời gian thử nghiệm : 15/03/2024 – 30/03/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				NT1	Cột B
1	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5,5	50
2	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	<15 ^(a)	150
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	26,5	100
4	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,9 ^(a)	10
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,09 ^(a)	10
6	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	25,5	40
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,14	6
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,3)	2

Ghi chú:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp;

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phùng Ngọc Hải

Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



Số: 2024/VP/0943.....

Trang: ...1/2.....

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium
Địa chỉ : KCN Bình Xuyên, xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước Thải :
0943: NT2: Mẫu nước thải Cơ sở 2
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Thời gian thử nghiệm : 15/03/2024 – 30/03/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT2	Cột A	Cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	SOP/MTVP/HT02	1,8	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SMEW 2550B:2017	27,9	40	40
3	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	20,1	50	150
4	pH	-	TCVN 6492:2011	6,6	6 – 9	5,5 - 9
5	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	7,2	30	50
6	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	17,8	75	150
7	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	17,5	50	100
8	As	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,05	0,1
9	Hg	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,001)	0,005	0,01
10	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,1	0,5
11	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,05	0,1
12	Cr VI	mg/L	SMEWW 3500 Cr-B:2017	KPH (LOD=0,003)	0,05	0,1
13	Crom III (Cr ³⁺)*	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,03)	0,2	1
14	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	2	2
15	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	3	3
16	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2017	<0,09 ^(a)	0,2	0,5
17	Mn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	0,5	1
18	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	KPH (LOD=0,03)	1	5
19	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)	0,1	0,5
20	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,9 ^(a)	5	10

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



Số 2024/VPH/0943.....

Trang 2/2.....

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT2	Cột A	Cột B
21	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	<0,15 ^(a)	0,2	0,5
22	Florua	mg/L	SMEWW 4500 F-B&D:2017	KPH (LOD=0,1)	5	10
23	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (LOD=0,003)	0,07	0,1
24	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,09	5	10
25	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	<9 ^(a)	20	40
26	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,20	4	6
27	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ *	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,05x10 ⁻³)	0,05	0,1
28	Hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ *	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,05x10 ⁻³)	0,3	1
29	Tổng PCBs *	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,02x10 ⁻³)	0,003	0,01
30	Tổng hoạt độ phóng xạ α *	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	0,1	0,1
31	Tổng hoạt độ phóng xạ β *	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,3)	1,0	1,0
32	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,3)	1	2
33	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	2400	3.000	5.000

Ghi chú:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp;

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;

- ^(a)Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;

- (*) Thông số được ban hành bởi nhà thầu phụ Vimcerts 251.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phùng Ngọc Hải

Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



NGUYEN GIA
VIMCERTS_251

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số.No.VP/20240326/TN4-1412

I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
Địa chỉ - Address	: Thôn Mạch Tràng, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu/Kí hiệu mẫu: Type/Sign of Sample:	Khí thải
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	18/03/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 18/03/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 26/03/2024

TT No	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Result
					0941
1	Bụi Silic	US EPA METHOD 5 + NIOSH METHOD 7603 + NIOSH METHOD 7602	mg/Nm ³	0,5	KPH

Ghi chú - Remark:

- 0941: NG.EA.180324.2006;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Quản lý chất lượng *lmz*

QA/QC

Phạm Thị Vi

Phạm Thị Vi

P. Trưởng phòng thí nghiệm

Supervised by

Trần Ngọc Linh

Trần Ngọc Linh

Giám đốc

Director

Nguyễn Ngọc Hương



NGUYEN GIA

VIMCERTS_251

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaentech.com

Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com

Hotline: 0338572255

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số.No.VP/20240326/TN4-1413

I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
Địa chỉ - Address	: Thôn Mạch Tràng, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu/Kí hiệu mẫu: Type/Sign of Sample:	Nước thải
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	18/03/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 18/03/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 26/03/2024

TT No	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Result
					0943
1	Crom (III)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,03	KPH
	Tổng PCBs ^(a)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	$0,02 \cdot 10^{-3}$	KPH
2	Hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ ^(a)		mg/L	$0,05 \cdot 10^{-3}$	KPH
3	Hóa chất bảo vệ thực vật Phospho hữu cơ ^(a)		mg/L	$0,05 \cdot 10^{-3}$	KPH
4	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 6053:1995	Bq/L	0,02	KPH
5	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 6219:2011	Bq/L	0,3	KPH

Ghi chú - Remark:

- 0943: NG.WW.180324.2007;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- (a): Các cấu tử được lựa chọn phân tích và lưu hồ sơ tại Phòng thí nghiệm;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

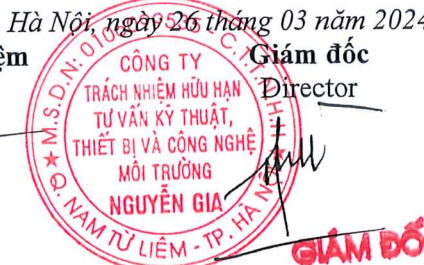
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Quản lý chất lượng

QA/QC

P. Trưởng phòng thí nghiệm

Supervised by



Phạm Thị Vi

BM.NG 7.8/02

Trần Ngọc Linh

Lần ban hành: 04.2022

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 751 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc



môi trường và thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty cổ phần môi trường Vinh Phát;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty cổ phần môi trường Vinh Phát;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận “Công ty cổ phần môi trường Vinh Phát”, địa chỉ tại thôn Mạch Trảng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký 233/TN-QTMT) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 233) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần môi trường Vinh Phát phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

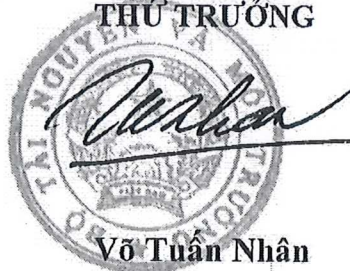
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực ba năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty cổ phần môi trường Vinh Phát chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(12).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Số: 08 /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, Thiết bị và Công nghệ môi trường Nguyễn Gia;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, Thiết bị và Công nghệ môi trường Nguyễn Gia;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, Thiết bị và Công nghệ môi trường Nguyễn Gia

Địa chỉ: Ô số 2, D47, Liên kè 5, Khu D Geleximco Lê Trọng Tấn, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0338572255

Email: nguyengiaentechco@gmail.com

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 251**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

4. Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, Thiết bị và Công nghệ môi trường Nguyễn Gia phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, Thiết bị và Công nghệ môi trường Nguyễn Gia;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TN&MT Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (12).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ
THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

Số: 15.01/2024/HĐKT/MTVP-NG

---o0o---

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Số: 15.01/2024/HĐKT/MTVP-NG

V/v: thực hiện các dịch vụ môi trường

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc Hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015
- Căn cứ vào Luật thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc Hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;
- Căn cứ yêu cầu của Công ty cổ phần môi trường Vinh Phát và khả năng đáp ứng của Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia.
- Trên cơ sở nhu cầu và năng lực của các bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 01 năm 2024. Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

Đại diện : Ngô Thị Chang

Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ : Thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, TP Hà Nội

VPGD: Tầng 4 công ty Cổ phần phát triển Hạ Tầng Vĩnh Phúc, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, TP Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

Điện thoại : 0989 930 888

Tài khoản số : 111.0026.56552 tại ngân hàng Vietinbank _ CN Vĩnh Phúc

Mã số thuế : 0108210122

**BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI
TRƯỜNG NGUYỄN GIA**

Đại diện : Ông Nguyễn Ngọc Hưng

Chức vụ: Giám đốc

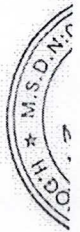
Địa chỉ : Số nhà 9, Tổ dân phố số 2, P. Phú Đô, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN.

VPGD : Ô 02, Lô D47, Khu D, KĐT M Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế : 0106099535

Số tài khoản : 11102081985, Tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội.

Điện thoại: 0338572255



Sau khi bàn bạc, hai bên đã đi đến thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc với các điều khoản, quy định cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: Nội dung công việc

Bên A có nhu cầu thuê và bên B đồng ý nhận thực hiện dịch vụ quan trắc và phân tích mẫu môi trường theo yêu cầu của bên A.

ĐIỀU 2: Giá trị hợp đồng

Căn cứ theo yêu cầu từng lần của bên A, bên B sẽ bố trí nhân sự và máy móc, thiết bị cần thiết để thực hiện dịch vụ cho bên A. Giá trị hợp đồng tùy thuộc vào khối lượng công việc thực tế mà bên B hoàn thành cho bên A. Sau khi hoàn thành công việc, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành và bên B xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên A theo quy định.

ĐIỀU 3: Thanh toán:

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 7-10 ngày sau khi Bên A nhận đủ Phiếu KQ và HSTT từ Bên B.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

ĐIỀU 4: Trách nhiệm của hai bên:

2.1. Bên A:

- Bên A có trách nhiệm phối hợp cùng bên B, tạo điều kiện thuận lợi cho bên B triển khai thực hiện hợp đồng.
- Bên A phải chuẩn bị hiện trường quan trắc đủ điều kiện và đảm bảo an toàn cho bên B thực hiện việc lấy mẫu. Trong trường hợp cán bộ thực hiện lấy mẫu của bên B cho rằng hiện trường quan trắc không đủ an toàn, có thể ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe của người lấy mẫu thì hai bên sẽ lập Biên bản ghi nhận hiện trạng không đảm bảo để thực hiện hoạt động lấy mẫu của hiện trường. Đồng thời bên B có quyền dừng việc lấy mẫu cho đến khi bên A xử lý được vấn đề này mà không chịu bất cứ trách nhiệm vi phạm hợp đồng nào.
- Trường hợp xảy ra tai nạn lao động, bên A có trách nhiệm chủ động phối hợp với bên B tiến hành các hoạt động sơ cứu, cấp cứu nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho các bên có liên quan.
- Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B.

2.2. Bên B:

- Bên B có trách nhiệm kiểm tra an toàn trước khi thực hiện việc lấy mẫu tại hiện trường.
- Bên B có trách nhiệm thực hiện công tác thu mẫu, bảo quản mẫu, đo đạc các thông số tại hiện trường, nhận mẫu và phân tích mẫu theo yêu cầu của Bên A.
- Trả kết quả phân tích đúng hạn cho bên A: 10 – 20 ngày kể từ ngày lấy xong mẫu hoặc nhận được mẫu do bên A gửi.

08:
CỘ
CỘ
ÔI
IN
GA

- Đảm bảo đúng thông tin, chất lượng, tiến độ như đã thỏa thuận giữa hai bên.

ĐIỀU 5: Quy định về Bảo mật thông tin

- Hai bên cam kết không sử dụng và chia sẻ các thông tin/ nội dung/ tài liệu có liên quan đến Hợp đồng này cho bất kỳ mục đích hoặc bên thứ ba nào khác ngoài việc thực hiện hợp đồng này.
- Hai bên phải giữ bí mật tất cả các thông tin, tài liệu và văn bản có liên quan đến hợp đồng này. Đồng thời nghiêm cấm việc tiết lộ các nội dung nói trên cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của bên còn lại.

ĐIỀU 6: Các điều khoản chung

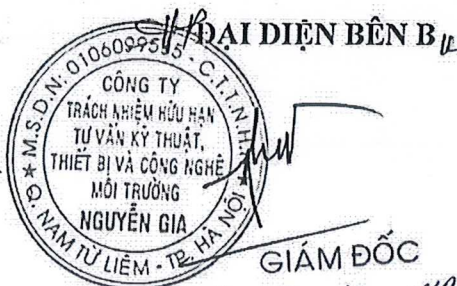
- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản nêu trên của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, hai bên sẽ thông báo cho nhau và cùng nhau bàn bạc để giải quyết trên tinh thần hỗ trợ nhau.
- Trường hợp xảy ra tai nạn lao động, tùy vào mức độ nặng nhẹ và nguyên nhân xảy ra tai nạn, hai bên sẽ tiến hành thương thảo trên tinh thần xây dựng để có phương án giải quyết bồi thường phù hợp nhất, có lợi nhất cho người bị tai nạn và lợi ích của hai bên.
- Trường hợp có vấn đề vướng mắc mà hai bên không tự giải quyết được, hai bên thống nhất sẽ đưa ra Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của tòa án Tòa án là phán quyết cuối cùng.

ĐIỀU 7: Hiệu lực Hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này sẽ tự động gia hạn thêm từng năm nếu không có thỏa thuận thay đổi về đơn giá hay các điều khoản khác của hai bên bằng văn bản ít nhất là một tháng trước khi hết hạn Hợp đồng.
- Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bản 03 trang, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Chang



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hưng

10
0
H
UC
P
H-

